

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO NGHỀ NGHIỆP Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2009 - 2019: VÀI NHẬN DIỆN QUA PHÂN TÍCH SỐ LIỆU THỨ CẤP

TRẦN VIỆT LONG *
TÔ THỊ HỒNG **
PHẠM NGỌC TÂN ***

Từ khóa: cơ cấu lao động nghề nghiệp, cấu trúc xã hội nghề nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp.

Ngày nhận bài: 18/10/2020; ngày gửi phản biện: 19/10/2020; ngày duyệt đăng bài: 15/11/2020.

Đặt vấn đề

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam giai đoạn vừa qua đã đạt được những thành tựu nhất định và góp phần phát triển thị trường lao động ngày càng đa dạng. Trong thời gian đó, cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo xu hướng giảm tỉ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỉ lệ lao động công nghiệp và dịch vụ (Vũ Mạnh Lợi, 2015; Trịnh Duy Luân, 2016). Nền kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi và đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm. Gắn liền với quá trình tăng trưởng và phát triển là những thay đổi trong cơ cấu kinh tế, kéo theo là những thay đổi trong cơ cấu lao động (Vũ Thị Thu Hương, 2017).

Chuyển dịch cơ cấu lao động là một trong những vấn đề quan trọng đã nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách ở các cấp khác nhau. Các nhà nghiên cứu ngày càng nhận thấy vai trò quan trọng của chuyển dịch cơ cấu lao động đối với tăng trưởng kinh tế. Cùng với quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế là sự xuất hiện cũng như biến mất của nhiều loại hình việc làm/nghề nghiệp (Vũ Thị Thu Hương, 2017). Có khá nhiều nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu lao động tại Việt Nam tập trung phân tích theo nhiều cách tiếp cận khác nhau, gắn với bối cảnh xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Theo Vũ Thị Thu Hương (2017), đáng chú ý là một số nghiên cứu của: Nguyễn Tuệ Anh (2007): “Đóng góp của các ngành và chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001- 2006”; Phạm Quý Thọ (2006): “Chuyển dịch cơ cấu lao động trong xu hướng hội nhập quốc tế”; Nguyễn Thị Cẩm Vân (2015); “Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...” (Dẫn theo Vũ Thị Thu Hương, 2017). Bên cạnh đó, một số nghiên cứu cũng đã góp phần nhận diện cơ cấu lao động theo nghề nghiệp (việc phân hệ cấu trúc xã hội

* ThS.; Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** ThS.; Khoa Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

*** ThS.; Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nghề nghiệp dựa theo việc nhóm gộp những nghề nghiệp chủ yếu thành một số ít nhóm nghề chính như cách làm của ngành thống kê). Có thể kể đến những công trình của các tác giả: Đỗ Thiên Kính (2012) “Hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay (Qua những cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2002 - 2004 - 2006 - 2008)”;¹ Bùi Thế Cường (2016) “Người dân ở vùng Đông Nam Bộ xếp bậc uy tín nghề nghiệp”; Trịnh Duy Luân (2016): “Một số chiều cạnh trong biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam hiện nay”; Lê Kim Sa, Phạm Minh Thái, Vũ Hoàng Đạt (2019): “Dịch chuyển cơ cấu xã hội theo hướng trung lưu trong giai đoạn kinh tế có nhiều biến động ở Việt Nam”,...

Theo lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu (Chenery và Syrquin, 1975) thì quá trình phát triển kinh tế từ truyền thống sang hiện đại đồng nghĩa với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến lên một nền kinh tế công nghiệp hóa và sau đó dần chuyển sang một nền kinh tế đã phát triển mà trong đó dịch vụ đóng vai trò ngày càng quan trọng (dẫn theo Nguyễn Đức Vinh và Nguyễn Thị Thơm, 2015). Cơ cấu kinh tế và cơ cấu nghề nghiệp có mối quan hệ hữu cơ không thể tách rời trong hệ thống phân công lao động xã hội. Nhìn chung, có cấu trúc nghề nghiệp được xác lập và phản ánh bởi nhiều yếu tố như cấu trúc nền kinh tế, trình độ công nghệ, tay nghề, hệ thống quản lý hành chính, thị trường lao động (Nguyễn Đức Vinh và Nguyễn Thị Thơm, 2015).

Vấn đề đặt ra là: Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp ở Việt Nam giai đoạn vừa qua như thế nào? Có hay không sự khác biệt giữa các nhóm xã hội trong quá trình dịch chuyển đó? Trong bài viết này, phân hệ cơ cấu lao động theo nghề nghiệp được phân tích dựa trên nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê, bao gồm 9 nhóm nghề chủ yếu: (1) Lãnh đạo, quản lý; (2) Chuyên môn bậc cao; (3) Chuyên môn bậc trung; (4) Nhân viên; (5) Thợ công nhân; (6) Buôn bán, dịch vụ; (7) Tiểu thủ công nghiệp; (8) Lao động giản đơn; (9) Nông dân. Từ 03 bộ số liệu của Điều tra Lao động - Việc làm các năm 2009, 2016 và 2019 do Tổng cục Thống kê tiến hành¹, mẫu nghiên cứu đã được chiết xuất bao gồm lực lượng lao động từ 15 - 59 tuổi, có làm việc trong 7 ngày gần nhất tính từ thời điểm điều tra được xác định qua các năm: 2009 là 44.154.675 người; 2016 là 48.198.888 người và 2019 là 48.161.988 người. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là mô tả, phân tích so sánh thông qua những quan sát về chuyển dịch cơ cấu lao động trên thị trường giai đoạn từ năm 2009 - 2019 và một số kết quả nghiên cứu đã được công bố. Theo đó, bài viết tập trung phân tích sự chuyển dịch theo nhóm nghề, khác biệt theo giới tính, nhóm tuổi, khu vực, vùng miền (đơn vị phân tích là nhóm).

¹ Điều tra Lao động - Việc làm là điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia được Tổng cục Thống kê thực hiện hàng năm nhằm mục đích thu thập thông tin về tình trạng tham gia thị trường lao động của những người từ 15 tuổi trở lên hiện đang sinh sống tại Việt Nam, dùng làm cơ sở để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về lao động, việc làm, thất nghiệp và thu nhập của người lao động. Kết quả điều tra giúp các cấp, các ngành đánh giá, dự báo tình hình biến động của thị trường lao động trên phạm vi cả nước, xây dựng và hoạch định chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch sản xuất - kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường lao động.

Lực lượng lao động được hiểu là bộ phận dân số cung cấp hoặc sẵn sàng cung cấp sức lao động cho sản xuất của cải vật chất và dịch vụ. Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động bao gồm những người đang làm việc hoặc đang thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên (Trịnh Duy Luân, 2012). Trong nghiên cứu này, lực lượng lao động được xác định là những người trong độ tuổi từ 15 - 59 có việc làm.

Cơ cấu lao động phản ánh cấu trúc bên trong của tổng thể lao động, với đặc trưng là tỉ lệ lực lượng lao động theo các tiêu chí nhất định và chuyển dịch cơ cấu lao động là sự vận động chuyển hóa từ trạng thái cơ cấu lao động này (cơ cấu lao động cũ) sang trạng thái khác (cơ cấu lao động mới) phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội (Phí Thị Hằng, 2014). Bên cạnh đó, khái niệm *ngành nghiệp* được hiểu như một dạng lao động, vừa mang tính xã hội (sự phân công xã hội), vừa mang tính cá nhân (nhu cầu bản thân), trong đó con người với tư cách là chủ thể hoạt động đòi hỏi để thỏa mãn những nhu cầu nhất định của xã hội và cá nhân (Nguyễn Văn Hộ, 2006).

1. Một số kết quả nghiên cứu

Bảng 1: Chuyển dịch cơ cấu lao động từ 15 - 59 tuổi theo nghề nghiệp giai đoạn 2009 - 2019

(Đơn vị: %)

	2009	2016	2019	Tốc độ tăng/giảm	
				2009 - 2016	2016 - 2019
Nông dân	14	9,4	6,7	-32,86	-28,72
Lao động giản đơn	38,7	36,6	30,8	-5,43	-15,85
Tiểu thủ công nghiệp	12,9	13,5	15,3	4,65	13,33
Buôn bán, dịch vụ	15,8	16,8	18,1	6,33	7,74
Thợ công nhân	7	10	13,4	42,86	34,00
Nhân viên	1,7	1,9	2,1	11,76	10,53
Chuyên môn bậc trung	4	3,2	3,7	-20,00	15,63
Chuyên môn bậc cao	4,9	7,3	8,6	48,98	17,81
Lãnh đạo, quản lí	1	1,3	1,2	30,00	-7,69

Nguồn: Tính toán từ Bộ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2009, 2016, 2019.

Bảng 1 cho thấy bức tranh chung về sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp của nhóm dân số từ 15 - 59 tuổi (có làm việc) ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2009 - 2019. Dễ dàng nhận thấy sự chuyển dịch giảm mạnh qua các năm của các nhóm lao động giản đơn (với tỉ lệ tương ứng là 38,7% năm 2009 giảm xuống 36,6% năm 2016 và chỉ còn 30,8% năm 2019); nông dân (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là 14% năm 2009 giảm xuống 9,4% năm 2016 và chỉ còn 6,7% năm 2019). Cùng với đó là xu hướng chuyển dịch tăng mạnh qua các năm của các nhóm thợ công nhân (từ 7% năm 2009 tăng lên 10% năm 2016 và 13,4% năm 2019); chuyên môn bậc cao (từ 4,9% năm 2009 tăng lên 7,3% năm 2016 và 8,6% năm 2019). Điều này cũng phù hợp với nhận định của tác giả Đặng Nguyên Anh (2019) về sự chuyển dịch cơ cấu lao động - việc làm diễn ra khá mạnh mẽ ở Việt Nam.

Trong phần tiếp theo, nhóm nghiên cứu sẽ tập trung nhận diện và phân tích sự khác biệt giữa các nhóm xã hội trong quá trình dịch chuyển cơ cấu lao động nghề nghiệp ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2009 - 2019.

1.1. Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp chia theo nhóm tuổi

Bảng 2 cung cấp những thông tin đa chiều về sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp giai đoạn từ năm 2009 - 2019 chia theo hai nhóm tuổi (từ 15 - 35 tuổi và từ 36 - 59 tuổi). Dễ thấy sự tập trung nhiều và có sự dịch chuyển không đồng nhất của nhóm lao động giản đơn ở cả hai độ tuổi. Trong khi nhóm lao động giản đơn ở độ tuổi từ 15 - 35 có xu hướng giảm xuống (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là 39,9% năm 2009 giảm xuống 34,4% năm 2016 và còn 27% năm 2019) thì ở độ tuổi từ 36 - 59 lại có xu hướng tăng lên trong giai đoạn từ 2009-2016 và đến năm 2019 có xu hướng giảm xuống (từ 37,5% năm 2009 tăng lên 38,2% năm 2016 và giảm xuống 33,9% năm 2019). Số liệu so sánh cũng cho thấy, nhóm lao động giản đơn có mức độ chuyển dịch tăng nhẹ (1,87%) ở độ tuổi từ 36 - 59 trong phân đoạn 2009 - 2016, đồng thời đều giảm mạnh ở độ tuổi từ 15 - 35 trong cả hai phân đoạn 2009 - 2016 (giảm 13,78%), 2016 - 2019 (giảm 21,51%) và ở độ tuổi 36 - 59 trong phân đoạn 2016 - 2019 (giảm 11,26%). Các kết quả phân tích cũng đã cho thấy sự tương đồng với kết quả nghiên cứu trước đó của các tác giả Đỗ Thiên Kính và Vũ Mạnh Lợi (2012) về xu hướng giảm của nhóm nghề lao động giản đơn trong giai đoạn 2004 - 2010 qua việc xử lí số liệu từ các cuộc Điều tra mức sống dân cư (dẫn theo Trịnh Duy Luân, 2016).

Bảng 2: Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp chia theo hai nhóm “từ 15 - 35 tuổi” và “từ 36 - 59 tuổi”²

(Đơn vị: %)

	2009		2016		2019		Tốc độ tăng/giảm			
							2009 - 2016		2016 - 2019	
	15-35 tuổi	36-59 tuổi	15-35 tuổi	36-59 tuổi	15-35 tuổi	36-59 tuổi	15-35 tuổi	36-59 tuổi	15-35 tuổi	36-59 tuổi
Nông dân	10,1	17,8	5,9	12,2	4	8,9	-41,58	-31,46	-32,20	-27,05
Lao động giản đơn	39,9	37,5	34,4	38,2	27	33,9	-13,78	1,87	-21,51	-11,26
Tiểu thủ công nghiệp	14,4	11,5	14,4	12,8	15,4	15,3	0,00	11,30	6,94	19,53
Buôn bán, dịch vụ	13,9	17,8	14,6	18,5	16,4	19,4	5,04	3,93	12,33	4,86
Thợ công nhân	9,2	4,8	14,1	6,8	18,3	9,5	53,26	41,67	29,79	39,71

² Những kết quả phân tích trong nghiên cứu này liên quan đến các nhóm “lao động từ 36 - 59 tuổi” và “lao động nữ” đều nằm trong bối cảnh chung của “sự sụt giảm” bởi một bộ phận lao động nữ rời khỏi thị trường lao động (nghỉ hưu) theo quy định của Luật Lao động hiện hành.

Nhân viên	1,8	1,6	2,4	1,5	2,6	1,6	33,33	-6,25	8,33	6,67
Chuyên môn bậc trung	4,4	3,6	4,4	2,3	5,2	2,5	0,00	-36,11	18,18	8,70
Chuyên môn bậc cao	6	3,8	9,2	5,9	10,5	7,1	53,33	55,26	14,13	20,34
Lãnh đạo, quản lí	0,3	1,7	0,6	1,9	0,6	1,8	100	11,76	0,00	-5,26

Nguồn: Tính toán từ Bộ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2009, 2016, 2019.

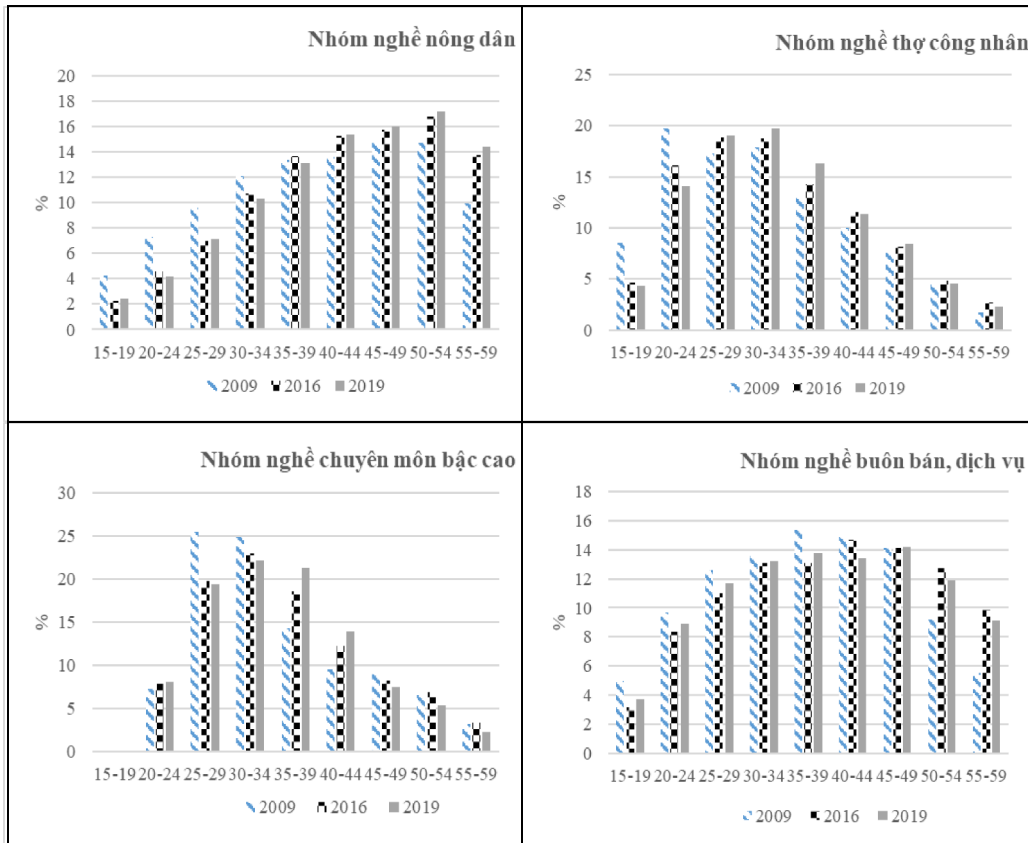
Bên cạnh đó, ở cả hai độ tuổi, ngược lại với xu hướng dịch chuyển tăng của nhóm lao động chuyên môn bậc cao (với tỉ lệ tương ứng lần lượt ở độ tuổi từ 15 - 35 là 6% năm 2009 tăng lên 9,2% năm 2016 và tiếp tục tăng lên 10,5% năm 2019; ở độ tuổi 36 - 59 là 3,8% năm 2009 tăng lên 5,9% năm 2016 và tiếp tục tăng lên 7,1% năm 2019) là xu hướng dịch chuyển giảm của nhóm nông dân (với tỉ lệ tương ứng lần lượt ở độ tuổi từ 15 - 35 là 10,1% năm 2009 giảm xuống 5,9% năm 2016 và tiếp tục giảm xuống 4% năm 2019; ở độ tuổi từ 36 - 59 là 17,8% năm 2009 giảm xuống 12,2% năm 2016 và tiếp tục giảm xuống 8,9% năm 2019).

Khi xem xét về mức độ dịch chuyển cơ cấu lao động trong từng phân đoạn, ta thấy rằng nhóm chuyên môn bậc cao có mức độ dịch chuyển tăng mạnh nhất trong phân đoạn từ năm 2009 - 2016 (53,33% đối với nhóm từ 15 - 35 tuổi và 55,26% đối với nhóm từ 36 - 59 tuổi), tiếp đến là nhóm thợ công nhân (53,26% đối với nhóm từ 15 - 35 tuổi và 41,67% đối với nhóm từ 36 - 59 tuổi). Trong khi nhóm buôn bán, dịch vụ mức độ dịch chuyển tăng ở tất cả các phân đoạn (nhưng tăng chậm hơn so với nhóm thợ công nhân) thì nhóm nông dân lại có mức độ dịch chuyển giảm mạnh ở cả hai phân đoạn từ năm 2009 - 2016 và từ năm 2016 - 2019 (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là giảm 41,58% và giảm 32,20% đối với nhóm từ 15 - 35 tuổi; giảm 31,46% và giảm 27,05% đối với nhóm từ 36 - 59 tuổi). Kết quả phân tích này cũng cho thấy sự phù hợp với mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế như đã phân tích ở trên.

Biểu đồ 1 cho thấy rõ hơn về sự dịch chuyển cơ cấu lao động giữa các nhóm tuổi ở một số nhóm nghề nghiệp như: nông dân, thợ công nhân, buôn bán - dịch vụ và chuyên môn bậc cao trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa qua. Có thể thấy tỉ lệ người lao động ở nhóm nghề nông dân có xu hướng giảm ở độ tuổi từ 15 - 39 và tăng ở độ tuổi từ 40 - 59. Cơ cấu lao động ở nhóm tuổi này có xu hướng giảm là do có sự chuyển dịch lao động sang các nhóm nghề khác, cùng với đó, sức hút của các khu công nghiệp lớn trong phạm vi cả nước, với nhu cầu tuyển dụng lao động trẻ vào làm việc khiến cho tỉ lệ lao động ở nhóm tuổi này làm nghề nông dân có xu hướng giảm. Tuy nhiên, đối với nhóm người lao động trong độ tuổi từ 40 - 59 tham gia các công việc có liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản lại có xu hướng tăng trong giai đoạn này, cụ thể là từ 53,1% năm 2009 tăng lên 61,7% năm 2016 và 63% năm 2019. Đối với các nhóm nghề còn lại, nhóm nghề chuyên môn bậc cao, nhóm tuổi từ 15 - 24 và 35 - 44

có xu hướng tăng, các nhóm tuổi còn lại có xu hướng giảm. Nhóm nghề thợ công nhân, tỉ lệ lao động trong nhóm tuổi từ 15 - 24 có xu hướng giảm và nhóm tuổi từ 25 - 59 có xu hướng tăng. Nhóm nghề buôn bán dịch vụ, tỉ lệ lao động trong nhóm tuổi từ 15 - 44 có xu hướng giảm và nhóm tuổi từ 45 - 59 có xu hướng tăng.

Biểu đồ 1: Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp chia theo nhóm tuổi giai đoạn từ năm 2009 - 2016



Nguồn: Tính toán từ Bộ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2009, 2016, 2019.

Điều này cho thấy, tuổi càng cao thì người lao động làm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản càng tăng. Đây cũng là một trong những quy luật cung cầu của thị trường lao động. Tuổi càng cao thì khả năng tìm kiếm các việc làm ở nhóm nghề phi nông nghiệp (dịch vụ và bán hàng, quản lý nhà nước, chính trị và an ninh quốc phòng,...) càng khó (Trần Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Minh Hiền, 2014).

1.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp chia theo thành thị - nông thôn và giới tính

Bảng 3 cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp (trong độ tuổi từ 15 - 59) giữa thành thị và nông thôn giai đoạn từ năm 2009 - 2019.

**Bảng 3: Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp
chia theo thành thị và nông thôn giai đoạn 2009 - 2019**

(Đơn vị: %)

	2009		2016		2019		Tốc độ tăng/giảm			
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	2009 - 2016		2016 - 2019	
							Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Nông dân	4,9	17,5	3,7	12,2	2,3	8,9	-24,49	-30,29	-37,84	-27,05
Lao động giản đơn	17,5	47,1	14,7	47,2	13,3	39,7	-16,00	0,21	-9,52	-15,89
Tiêu thủ công nghiệp	14,6	12,2	14	13,3	14,2	15,9	-4,11	9,02	1,43	19,55
Buôn bán, dịch vụ	27,3	11,3	27,2	11,8	26,3	13,9	-0,37	4,42	-3,31	17,80
Thợ công nhân	10,6	5,6	13,3	8,3	14,5	12,9	25,47	48,21	9,02	55,42
Nhân viên	2,9	1,2	3,5	1,1	3,4	1,4	20,69	-8,33	-2,86	27,27
Chuyên môn bậc trung	7,7	2,5	5,2	2,3	6	2,6	-32,47	-8,00	15,38	13,04
Chuyên môn bậc cao	12,1	2,1	15,9	3,1	17,4	4,2	31,40	47,62	9,43	35,48
Lãnh đạo, quản lý	2,3	0,5	2,6	0,7	2,4	0,7	13,04	40,00	-7,69	0,00

Nguồn: Tính toán từ Bộ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2009, 2016, 2019.

Số liệu ở bảng 3 cho thấy, chỉ có 2 nhóm nghề là lao động giản đơn và nông dân có tỉ lệ lao động ở nông thôn cao hơn so với thành thị trong giai đoạn 2009 - 2019; trong đó, nhóm nông dân có xu hướng giảm mạnh ở cả nông thôn và thành thị (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là: ở nông thôn giảm từ 17,5% năm 2009 xuống 12,2% năm 2016 và còn 8,9% năm 2019; ở thành thị giảm từ 4,9% năm 2009 xuống 3,7% năm 2016 và còn 2,3% năm 2019). Về mức độ chuyển dịch, nhóm nông dân có mức độ giảm mạnh ở cả hai phân đoạn từ năm 2009 - 2016 và từ năm 2016 - 2019 với tỉ lệ tương ứng lần lượt là -24,49% và -37,84% đối với khu vực thành thị; -30,29% và -27,05% đối với khu vực nông thôn. Đối với nhóm lao động giản đơn có mức độ chuyển dịch tăng rất nhẹ (0,21%) ở khu vực nông thôn trong phân đoạn từ năm 2009 - 2016, đồng thời đều giảm mạnh ở khu vực thành thị trong cả hai phân đoạn từ năm 2009 - 2016 (-16,00%), 2016 - 2019 (-9,52%) và ở khu vực nông thôn trong phân đoạn từ năm 2016 - 2019 (-15,89%). Kết quả này phù hợp với những phân tích về mức độ chuyển dịch theo nhóm tuổi của nhóm nông dân và nhóm lao động giản đơn ở trên.

Điều này có thể được lí giải bởi thực tiễn quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trong giai đoạn vừa qua. Nhiều diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi để xây dựng các khu

đô thị, khu công nghiệp kéo theo việc thay đổi việc làm của nhiều nhóm lao động. Trong đó, nhiều nông dân mất đất đã phải chuyển đổi nghề tạo nên sự dịch chuyển giảm ở nhóm lao động này.

Bảng 4: Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp ở thành thị chia theo giới giai đoạn từ năm 2009 - 2019

(Đơn vị: %)

	2009		2016		2019		Tốc độ tăng/giảm			
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	2009 - 2016		2016 - 2019	
							Nam	Nữ	Nam	Nữ
Nông dân	5,7	4,1	4,7	2,5	3,2	1,4	-17,54	-39,02	-31,91	-44,00
Lao động giản đơn	16,8	18,3	14,4	15,0	13,1	13,5	-14,29	-18,03	-9,03	-10,00
Tiêu thủ công nghiệp	20,0	8,8	18,9	8,7	19,1	8,7	-5,50	-1,14	1,06	0,00
Buôn bán, dịch vụ	18,7	36,7	20,0	34,9	20,0	33,5	6,95	-4,90	0,00	-4,01
Thợ công nhân	14,0	6,8	16,1	10,4	17,0	11,6	15,00	52,94	5,59	11,54
Nhân viên	2,7	3,1	3,0	4,0	3,2	3,7	11,11	29,03	6,67	-7,50
Chuyên môn bậc trung	6,5	9,1	4,6	5,8	5,3	6,8	-29,23	-36,26	15,22	17,24
Chuyên môn bậc cao	12,2	12,1	14,5	17,4	15,5	19,6	18,85	43,80	6,90	12,64
Lãnh đạo, quản lí	3,5	1,0	3,8	1,3	3,6	1,1	8,57	30,00	-5,26	-15,38

Nguồn: Tính toán từ Bộ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2009, 2016, 2019.

Bảng 4 cho thấy bức tranh về chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp ở thành thị chia theo giới tính. Trong khi nhóm nông dân có xu hướng giảm qua các năm và nhóm nữ giảm mạnh hơn nhóm nam (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là: nam giới giảm từ 5,7% năm 2009 xuống 4,7% năm 2016 và còn 3,2% năm 2019; nữ giới giảm từ 4,1% năm 2009 xuống 2,5% năm 2016 và chỉ còn 1,4% năm 2019) thì nhóm chuyên môn bậc cao có xu hướng gia tăng và nhóm nữ tăng mạnh hơn nhóm nam (với tỉ lệ tương ứng lần lượt là: nam giới tăng từ 12,2% năm 2009 lên 14,5% năm 2016 và 15,5% năm 2019; nữ giới tăng từ 12,1% năm 2009 lên 17,4% năm 2016 và 19,6% năm 2019).

Số liệu ở bảng 4 cũng cho thấy mức độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp ở thành thị chia theo giới tính. Theo đó, nhóm lao động nữ thợ công nhân có mức độ dịch chuyển tăng mạnh nhất (52,94%), tiếp đến là nhóm lao động nữ chuyên môn bậc cao trong phân đoạn từ năm 2009 - 2016 (43,8%); trong phân đoạn này, các nhóm lao động nữ lãnh đạo và nhân viên cũng đều có mức độ dịch chuyển mạnh với tỉ lệ lần lượt là 30% và 29,03%. Ngoài các nhóm lao động nông dân ở tất cả các phân đoạn

đều có mức độ dịch chuyển giảm mạnh, nhóm lao động chuyên môn bậc trung cũng có mức độ dịch chuyển giảm mạnh ở phân đoạn từ năm 2009 - 2016 với tỉ lệ tương ứng lần lượt là -29,23% đối với nam và -36,26% đối với nữ.

Bảng 5: Chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp ở nông thôn chia theo giới giai đoạn từ năm 2009 - 2019

(Đơn vị: %)

	2009		2016		2019		Tốc độ tăng/giảm			
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	2009 - 2016		2016 - 2019	
							Nam	Nữ	Nam	Nữ
Nông dân	18,8	16,2	13,9	10,5	10,6	7,0	-26,06	-35,19	-23,74	-33,33
Lao động giản đơn	43,0	51,5	43,8	50,8	37,5	42,2	1,86	-1,36	-14,38	-16,93
Tiêu thủ công nghiệp	16,7	7,6	18,4	7,8	21,7	9,2	10,18	2,63	17,93	17,95
Buôn bán, dịch vụ	8,1	14,7	8,6	15,2	10,1	18,4	6,17	3,40	17,44	21,05
Thợ công nhân	7,3	3,7	8,5	8,2	12,5	13,4	16,44	121,62	47,06	63,41
Nhân viên	1,3	1,1	1,2	1,0	1,3	1,4	-7,69	-9,09	8,33	40,00
Chuyên môn bậc trung	2,1	2,9	1,8	2,7	2,1	3,1	-14,29	-6,90	16,67	14,81
Chuyên môn bậc cao	2,0	2,1	2,8	3,6	3,3	5,1	40,00	71,43	17,86	41,67
Lãnh đạo, quản lí	0,8	0,2	1,1	0,4	0,9	0,3	37,50	100,00	-18,18	-25,00

Nguồn: Tính toán từ Bộ số liệu Điều tra Lao động - Việc làm năm 2009, 2016, 2019.

Số liệu bảng 5 cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo giới tính ở khu vực nông thôn trong giai đoạn từ 2009 - 2019. Đối với nhóm nghề nông dân, tỉ lệ lao động nam giảm 7,8 điểm phần trăm; trong khi đó, con số này ở nhóm nữ là giảm 9,2 điểm phần trăm. Nhóm nghề thợ công nhân, tỉ lệ lao động nam tăng 5,2 điểm phần trăm, trong đó nhóm nữ tăng 9,7 điểm phần trăm. Nhóm nghề chuyên môn bậc cao, tỉ lệ lao động nam tăng 1,1 điểm phần trăm, nhóm nữ tăng 3 điểm phần trăm.

Khi xem xét mức độ dịch chuyển cơ cấu lao động nghề nghiệp ở nông thôn phân đoạn từ năm 2009 - 2016, đáng chú ý là mức độ dịch chuyển tăng rất mạnh về cơ cấu lao động theo nghề nghiệp của nhóm lao động nữ công nhân khu vực nông thôn với tỷ lệ 121,62%; tiếp đến là nhóm lao động nữ lãnh đạo, quản lí với mức dịch chuyển tương ứng là 100%; nhóm lao động nữ có trình độ chuyên môn cao là 71,43%; nhóm lao động nam chuyên môn bậc cao 40% và nhóm lao động nam lãnh đạo, quản lí là 37,5%. Bên cạnh đó, ở phân đoạn từ năm 2016 - 2019, một số nhóm có mức độ dịch chuyển tăng mạnh là nhóm lao động nữ thợ công nhân (63,41%); nhóm lao động nam thợ công nhân (47,06%);

nhóm lao động nữ chuyên môn bậc cao (41,67%) và nhóm lao động nữ nhân viên (40%). Trong khi đó, các nhóm lao động nam, nữ nông dân ở cả hai phân đoạn từ năm 2009 - 2016 và từ năm 2016 - 2019 đều có mức dịch chuyển giảm mạnh với tỉ lệ tương ứng lần lượt là giảm 26,06% và 23,74% đối với nhóm nam nông dân; giảm 35,19% và 33,33% đối với nhóm nữ nông dân.

Một yếu tố không kém phần quan trọng cho quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo giới ở hai khu vực thành thị và nông thôn là sự phát triển của bản thân các nhóm nghề phi nông nghiệp ở khu vực thành thị, yếu tố này có ảnh hưởng rất mạnh mẽ và là lực hút, là “thị trường” của lao động nông thôn (Nguyễn Mạnh Hải, Trần Toàn Thắng, 2009). Điều này khiến các vùng có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn, trong đó có khu vực nông thôn tạo nên hiện tượng di cư nông thôn - thành thị. Tỉ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm nhường chỗ cho các nhóm nghề khác (Trịnh Duy Luân, 2016). Cùng với đó, trong một vài năm gần đây đã bắt đầu việc áp dụng khoa học kĩ thuật trong nông nghiệp làm giảm thiếu sức lao động của người dân, điều này tạo điều kiện cho người dân chuyển đổi việc làm, chuyển đổi nghề sang các nhóm nghề khác, từ đó tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các nhóm nghề theo hướng giảm lao động làm nông nghiệp.

2. Thay lời kết luận

Từ các kết quả phân tích trên đây, nhóm nghiên cứu đưa ra một số nhận định mang tính kết luận như sau:

Nhìn chung, trong giai đoạn từ năm 2009 - 2019 có sự chuyển dịch cơ cấu lao động mạnh mẽ giữa các nhóm nghề nghiệp. Trong đó, các nhóm nông dân và lao động giản đơn có xu hướng dịch chuyển giảm (nhóm nông dân dịch chuyển giảm mạnh và mức độ dịch chuyển giảm ở phân đoạn từ năm 2009 - 2016 mạnh hơn ở phân đoạn từ năm 2016 - 2019). Ngược lại, các nhóm thợ công nhân, nhóm chuyên môn bậc cao và nhóm buôn bán, dịch vụ có xu hướng dịch chuyển tăng (trong đó, nhóm thợ công nhân có mức độ dịch chuyển mạnh nhất và tiếp đến là nhóm chuyên môn bậc cao). Có sự khác biệt đáng kể về chuyển dịch cơ cấu lao động khi phân chia theo các nhóm xã hội. Đáng chú ý là mức độ dịch chuyển tăng mạnh ở các nhóm sau:

+ Ở khu vực nông thôn, trong phân đoạn từ năm 2009 - 2016 gồm các nhóm: nữ công nhân; nữ lãnh đạo, quản lí; nữ có trình độ chuyên môn cao; nam chuyên môn bậc cao và nam lãnh đạo, quản lí. Ở phân đoạn từ năm 2016 - 2019 có các nhóm: nam và nữ thợ công nhân; nữ chuyên môn bậc cao và nữ nhân viên.

+ Ở khu vực thành thị, trong phân đoạn từ năm 2009 - 2016, có các nhóm: nữ thợ công nhân; nữ chuyên môn bậc cao; nữ lãnh đạo, quản lí; nữ nhân viên.

Ngoài ra, khi cả hai nhóm chuyên môn bậc cao và thợ công nhân đều có mức dịch chuyển tăng mạnh ở cả hai nhóm tuổi (từ 15 - 35 tuổi và từ 36 - 59 tuổi) trong cả hai phân đoạn (2009 - 2016 và 2016 - 2019) thì các nhóm lao động nông dân (chia theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị - nông thôn) ở cả hai phân đoạn 2009 - 2016 và 2016 - 2019 đều có mức dịch chuyển giảm mạnh.

Chủ đề nghiên cứu về lao động, việc làm có vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Bởi những hạn chế trong quá trình phân tích lại các bộ số liệu thứ cấp, nghiên cứu này chỉ có thể nhận diện được một số vấn đề ở những chiều cạnh nhất định. Vì vậy, cần có những nghiên cứu với quy mô sâu và rộng hơn để có thể cung cấp những luận cứ khoa học xác thực hơn nữa về vấn đề này làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh. 2019. “Thị trường lao động và quan hệ lao động trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng chính sách”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
2. Lê Xuân Bá. 2007. “Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam”. Chương trình nghiên cứu thuộc Dự án MISPA - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hà Nội.
3. Bùi Thế Cường. 2016. “Người dân ở vùng Đông Nam Bộ xếp bậc uy tín nghề nghiệp”. Tạp chí *Xã hội học*, số 1 (133).
4. Nguyễn Mạnh Hải và Trần Toàn Thắng. 2009. “Các yếu tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn Việt Nam”. Tạp chí *Quản lý Kinh tế*, số 25 (3+4).
5. Phí Thị Hằng. 2014. *Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành ở Thái Bình trong giai đoạn hiện nay*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Văn Hộ. 2006. *Hoạt động hướng nghiệp và giảng dạy kỹ thuật trong trường trung học phổ thông*. Nxb. Giáo dục.
7. Vũ Thị Thu Hương. 2017. *Chuyển dịch cơ cấu lao động tại Việt Nam: Các yếu tố tác động và vai trò đối với tăng trưởng kinh tế*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Đỗ Thiên Kính. 2012. *Hệ thống phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay (Qua những cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2002 - 2004 - 2006 - 2008)*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
9. Trịnh Duy Luân. 2012. “Báo cáo xã hội năm 2012: Một số vấn đề xã hội trong lĩnh vực lao động, việc làm ở nước ta hiện nay”. Đề tài cấp Bộ năm 2012 do Viện Xã hội học chủ trì. Hà Nội.
10. Trịnh Duy Luân. 2016. “Một số chiều cạnh trong biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam hiện nay”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4 (136).
11. Vũ Mạnh Lợi. 2015. “Lao động, việc làm ở Việt Nam sau 30 năm Đổi mới”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4 (132).
12. Trần Thị Minh Phương và Nguyễn Thị Minh Hiền. 2014. “Các yếu tố ảnh hưởng khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn Tp. Hà Nội”. Tạp chí *Khoa học và Phát triển*, tập 12, số 6.
13. Lê Kim Sa, Phạm Minh Thái, Vũ Hoàng Đạt. 2019. “Dịch chuyển cơ cấu xã hội theo hướng trung lưu trong giai đoạn kinh tế có nhiều biến động ở Việt Nam”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4 (148).
14. Nguyễn Đức Vinh và Nguyễn Thị Thơm. 2015. “Tác động của biến đổi cấu trúc dân số và giáo dục đào tạo đến chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của dân số trẻ”. Tạp chí *Xã hội học*, số 1 (129).